

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa**  
**giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Huế**

Thực hiện Quyết định số 433/QĐ-TTg ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thành ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, Kế hoạch số 295-KH/TU ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Đề án với những nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án trên địa bàn thành phố Huế, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

- Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho DNNVV trên địa bàn thành phố Huế (ưu tiên các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, nông nghiệp), cải thiện năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ số địa phương.

- Tổ chức thực thi hiệu quả các chính sách hiện hành theo hướng tích hợp, lồng ghép để tránh chồng chéo, dàn trải. Sử dụng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá chính cho sự thành công của công tác chuyển đổi số.

- Tăng cường nhận thức, đổi mới tư duy và nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp; thúc đẩy hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

- Giảm tối đa các hoạt động trung gian không tạo ra giá trị trong quá trình

hỗ trợ doanh nghiệp.

## **2. Yêu cầu**

- Bám sát các quan điểm chỉ đạo nêu tại Đề án và các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó DNNVV là trung tâm, là chủ thể chính, là lực lượng nòng cốt ứng dụng công nghệ; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt và điều phối nguồn lực hỗ trợ.

- Phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã; đảm bảo đồng bộ, khả thi, gắn với đặc thù kinh tế - xã hội của thành phố Huế.

- Tích hợp, triển khai đồng bộ với các chương trình, đề án của thành phố (Chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp sáng tạo).

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao mức độ sẵn sàng và năng lực chuyển đổi số của DNNVV trên địa bàn thành phố Huế theo hướng thực chất, phù hợp với quy mô chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và các cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc lĩnh vực du lịch - dịch vụ, nông nghiệp đặc sản, sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, thương mại và logistics quy mô nhỏ.

Ưu tiên hỗ trợ các nội dung chuyển đổi số thiết yếu, chi phí thấp, dễ triển khai, mang lại hiệu quả trực tiếp như: quản trị nội bộ, bán hàng trực tuyến, thanh toán số, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và kết nối sàn thương mại điện tử.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- 100% DNNVV được tuyên truyền, tiếp cận tài liệu, công cụ đánh giá chuyển đổi số;

- 100% DNNVV được tiếp cận thông tin pháp lý cơ bản về hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, trong đó tối thiểu 80% tiếp cận qua các nền tảng số;

- Phần đầu ít nhất 800 - 1.000 DNNVV được tham gia ít nhất một hoạt động hỗ trợ của Đề án, trong đó:

+ Ít nhất 600 doanh nghiệp được đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số;

+ Ít nhất 200 doanh nghiệp được hỗ trợ ứng dụng nền tảng số cơ bản (kế toán số, hóa đơn điện tử, bán hàng trực tuyến, quản trị nội bộ, truy xuất nguồn gốc);

+ Khoảng 50 - 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu theo lộ trình chuyển đổi số ngành (du lịch thông minh, sản xuất chế biến, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục).

- Hình thành 10 - 20 DNNVV tiêu biểu chuyển đổi số, tập trung vào: Du

lịch thông minh; nông nghiệp số và truy xuất nguồn gốc; thương mại điện tử đặc sản Huế; quản trị số trong sản xuất chế biến. Các doanh nghiệp này đóng vai trò mô hình điểm để lan tỏa kinh nghiệm và thực hành chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp thành phố;

- Đảm bảo hạ tầng viễn thông băng rộng 5G phủ sóng 100%;
- Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và báo cáo thường niên về chuyển đổi số DNNVV.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số**

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số theo quy định và hướng dẫn của Trung ương; tham gia góp ý hoàn thiện các văn bản liên quan khi có yêu cầu.

b) Lồng ghép nội dung hỗ trợ chuyển đổi số vào các chương trình, đề án đang triển khai trên địa bàn như: đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm OCOP và các chương trình phát triển kinh tế số.

c) Rà soát, đề xuất cơ chế hỗ trợ phù hợp với điều kiện ngân sách địa phương, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (chiếm tỷ trọng lớn tại thành phố Huế) thuê, mua, sử dụng nền tảng số, phần mềm quản trị, giải pháp thương mại điện tử và an toàn thông tin.

d) Thực hiện nguyên tắc hỗ trợ có điều kiện, theo mức độ sẵn sàng và cam kết chuyển đổi số của doanh nghiệp; bảo đảm công khai, minh bạch, tránh dàn trải, trùng lặp.

#### **2. Phát triển hạ tầng hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa**

a) Triển khai, nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông băng rộng 5G trên địa bàn.

b) Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi chuyển đổi số DNNVV của thành phố, phục vụ công tác quản lý, đánh giá và báo cáo.

c) Thúc đẩy công khai, chia sẻ có kiểm soát dữ liệu chuyên ngành phục vụ doanh nghiệp bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ quy định pháp luật.

d) Phát triển nền tảng đổi mới sáng tạo, tạo kênh kết nối doanh nghiệp với nhà đầu tư, chuyên gia, các đơn vị tư vấn và cơ quan quản lý nhà nước

#### **3. Đánh giá mức độ sẵn sàng và xây dựng lộ trình chuyển đổi số**

a) Tổ chức các hoạt động triển khai công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi số theo từng mức độ, gắn với đặc thù ngành nghề và quy mô hoạt động.

c) Lồng ghép nội dung chuyển đổi xanh trong quá trình chuyển đổi số (giảm sử dụng giấy tờ, tối ưu năng lượng, minh bạch chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm).

d) Xây dựng và phổ biến các mô hình mẫu về chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực đặc thù của Huế để doanh nghiệp tham khảo.

#### **4. Hỗ trợ ứng dụng nền tảng số và giải pháp công nghệ**

a) Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ ứng dụng các nền tảng số cơ bản như: kế toán điện tử, hóa đơn điện tử, quản lý bán hàng, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm, làng nghề, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử, mã QR, quản lý chất lượng, minh bạch thông tin sản phẩm; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng và công cụ quản lý tiên tiến tăng năng lực cạnh tranh doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ, du lịch ứng dụng nền tảng đặt phòng, marketing số, quản lý khách hàng và phân tích dữ liệu ở mức độ phù hợp.

d) Hỗ trợ đánh giá, tư vấn, kiểm thử an toàn thông tin mạng theo quy mô doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về bảo mật dữ liệu và an toàn hệ thống.

đ) Khuyến khích doanh nghiệp đủ điều kiện thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, tự động hóa ở mức độ phù hợp với năng lực và nhu cầu thực tế.

e) Hỗ trợ phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo phục vụ chuyển đổi số DNNVV.

g) Ưu tiên các giải pháp dùng chung có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và liên kết chuỗi giá trị. Lựa chọn các giải pháp có chi phí hợp lý, dễ triển khai nhanh.

#### **5. Phát triển nguồn nhân lực và mạng lưới tư vấn**

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý và nhân sự nòng cốt của DNNVV.

b) Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, tập trung vào thực hành và giải quyết các bài toán thực tế của doanh nghiệp, ưu tiên hình thức đào tạo trực tuyến quy mô lớn.

c) Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người lao động trong doanh nghiệp, gắn với nhu cầu thực tế của từng ngành nghề.

d) Hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số tại địa phương; huy động chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn tham gia hỗ trợ doanh nghiệp.

đ) Tăng cường kết nối doanh nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu,

doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài địa phương nhằm hỗ trợ đổi mới công nghệ và chuyển giao giải pháp số.

e) Cử cán bộ quản lý tham gia các Chương trình đào tạo về giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo phục vụ chuyển đổi số cho DNNVV

### **6. Truyền thông, nhân rộng mô hình và hỗ trợ pháp lý**

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp.

b) Lựa chọn, tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp chuyển đổi số tiêu biểu hàng năm để tạo hiệu ứng lan tỏa.

c) Hỗ trợ tư vấn pháp lý liên quan đến hợp đồng điện tử, bảo mật dữ liệu, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử và các nội dung liên quan đến chuyển đổi số.

d) Xây dựng, duy trì chuyên trang thông tin về chuyển đổi số DNNVV của thành phố, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

đ) Công tác truyền thông phải gắn trực tiếp với lợi ích cụ thể của doanh nghiệp, hướng đến từng nhóm ngành và quy mô cụ thể

*(Chi tiết tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai tại địa phương được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm các cơ quan**

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu UBND thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch; Ban hành Kế hoạch triển khai hàng năm, chủ trì tổ chức triển khai, điều phối các hoạt động hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số trên địa bàn;

- Xây dựng hướng dẫn chuyên môn; triển khai công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số; tổ chức đào tạo, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp theo nội dung Kế hoạch;

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, tổng hợp cơ sở dữ liệu về chuyển đổi số DNNVV; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tổng hợp báo cáo UBND thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

b) Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu UBND thành phố bố trí nguồn ngân sách thực hiện Kế hoạch trong dự toán hàng năm và kế hoạch trung hạn theo quy định;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

- Phối hợp thẩm định các nội dung chi hỗ trợ doanh nghiệp bảo đảm đúng quy định và khả năng ngân sách địa phương.

c) Các sở, ban, ngành

- Lồng ghép nội dung hỗ trợ chuyển đổi số DNNVV vào các chương trình, đề án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Phối hợp xác định nhu cầu chuyển đổi số của doanh nghiệp trong ngành; đề xuất danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia các hoạt động hỗ trợ;

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về chia sẻ dữ liệu chuyên ngành, hỗ trợ ứng dụng nền tảng số phù hợp đặc thù từng lĩnh vực;

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

d) UBND các phường, xã

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án và Kế hoạch đến doanh nghiệp trên địa bàn;

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, đăng ký tham gia các chương trình đào tạo, tư vấn, đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số;

- Phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp về Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo

- Phối hợp tuyên truyền, kết nối doanh nghiệp tham gia hoạt động chuyển đổi số;

- Tham gia đào tạo, tư vấn, cung cấp giải pháp, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn;

- Chủ động đề xuất sáng kiến, mô hình, giải pháp thực tiễn, có khả năng nhân rộng, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả trong cộng đồng DNNVV.

## 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## 3. Chế độ báo cáo

- Báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6 và 15/12) và báo cáo năm (trước ngày 30/12) gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn vào năm 2030;

- Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

***Nơi nhận:***

- Bộ KH&CN (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND phường, xã;
- Hiệp hội doanh nghiệp thành phố;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thùy Giang**

